Bài 5. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á

(2 tiết)

# I. MỤC TIÊU

## 1. Kiến thức, kĩ năng

- Trình bày được đặc điểm vị trí, hình dạng, kích thước châu Á.

- Trình bày được một trong những đặc điểm tự nhiên của châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

- Xác định được vị trí của châu Á trên bản đồ.

- Xác định trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.

- Xác định được trên bản đồ các đới và các kiểu khí hậu ở châu Á.

## 2. Năng lực:

- Năng lực nhận thức Địa lí: năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí tự nhiên.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: năng lực sử dụng công cụ địa lí (bản đồ, tranh ảnh, video,…).

- Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề.

## 3. Phẩm chất:

## - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ tự nhiên (bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, sử dụng lí, khai thác đi đôi với phục hôi tài nguyên thiên nhiên, phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu).

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

# 1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên châu Á

- Bản đồ các đới và các kiểu khí hậu châu Á.

- Hình ảnh, phiếu học tập làm việc nhóm

- Bài trình chiếu, các link website….

- Các thông tin về biến đổi khí hậu và sự suy giảm tài nguyên thiên nhiên

- Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm.

# 2. Học sinh

- Giấy note để ghi chú.

- Sách giáo khoa và vở ghi; giấy A3

# III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | | | | | | | **Sản phẩm mong đợi (Dự kiến)** | | |
| **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (BẮT ĐẦU):5’**  **1. Mục tiêu**: HS nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của tiết học, có hứng thú tiếp thu bài mới.  **Phương pháp:** Nêu vấn đề  **Kĩ thuật:** động não, tia chớp  **2.Nội dung:** trò chơi: Nhanh tay nhanh mắt  **3.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  **+** GV cung cấp các hình ảnh về các thành phố hoặc địa danh và các châu lục: châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Nam Cực, châu Đại Dương. Các em nhận biết được từng thành phố hoặc địa danh và châu lục mà các thành phố hoặc địa danh thuộc về.  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS tham gia trò chơi  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | | | | | | |  |
| |  |  | | --- | --- | | Thành phố/ Địa danh | Châu lục | | Tp Pa-ri (Pháp) | Châu Âu | | Tp Hà Nội (Việt Nam) | Châu Á | | TP Cai-rô (Ai Cập) | Châu Phi | | Tp New York (Mỹ) | Châu Mỹ | | TP Sydney (Úc) | Châu Đại Dương | | Đỉnh Vinson | Châu Nam Cực | | | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: 30’**  ***1. Mục tiêu:*** + Hiểu rõ đặc điểm vị trí địa lí, kích thước và đặc điểm địa hình, khoáng sản châu Á.  + Hiểu được châu Á là châu lục rộng lớn nhất thế giới, có điều kiện tự nhiên phức tạp và đa dạng mà tính chất phức tạp, đa dạng đó được thể hiện qua địa hình và sự phân bố khoáng sản.  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi, cá nhân, vấn đáp, hợp tác,gqvđ…  ***Kĩ thuật***: động não, tia chớp, bức tường,khăn trải bàn…  **2.Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề cần giải quyết theo VD sgk  **3.Sản phẩm:** Câu trả lời và bài làm của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | | | | | | |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí và kích thước châu lục** | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Thảo luận cặp đôi.  - Hoàn thành PHT  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận và hooàn thành phiếu học tập.  - HS trình bày  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | **1. Vị trí địa lí và kích thước châu lục**  **Phiếu học tập**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Nội dung** | | **Vi trí, diện tích** |  | | **Tiếp giáp** |  | | **Hình dạng, kích thước châu lục** |  | | **Ý nghĩa của vị trí** |  | | | | | | | |
| **Bảng kích thước các châu lục trên Thế giới**   |  |  | | --- | --- | | **Châu lục** | **Diện tích (triệu km2)** | | Châu Mĩ | 42 | | Châu Phi | 30,3 | | Châu Âu | 10,5 | | Châu Đại Dương | 8,5 | | Châu Nam Cực | 14,1 | | Châu Á | 44,4 |   **Sản phẩm dự kiến**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Nộidung** | | Vị trí, diện tích | - Châu Á là 1 bộ phận của lục địa Á – Âu rộng lớn, trải dài từ vùng cực Bắc đến vùng Xích đạo.  - Diện tích: phần đất liền là 41,5 triệu km2, tính cả diện tích các đảo là 44,4 triệu km2. | | Tiếp giáp | + Đất liền : Châu Âu, châu Phi, tiếp cận châu Đại Dương  + Trên biển: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương | | Hình dạng, kích thước | Chiều dài bắc – nam là 8500 km, đông – tây là 9200 km, kéo dài từ vùng cực bắc đến vùng xích đạo cho thấy châu Á có kích thước rất lớn, là châu lục rộng nhất TG và có dạng hình khối vĩ đại. | | Ý nghĩa của vị trí | - Là châu lục rông nhất TG, có dạng hình khối vĩ đại=> làm điều kiện tự nhiên của Châu Á phân hóa dạng phức tạp (nhất là đk khí hậu). | | | | | | | | | | |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên** | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Thảo luận cặp đôi.  - Hoàn thành PHT  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.  - HS trình bày  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | | | | | **2. Đặc điểm tự nhiên**  **a. Địa hình**  **Phiếu học tập**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Đặc điểm** | **Ý nghĩa** | | **Địa hình** |  |  | | | |
| **Phiếu học tập**    **Sản phẩm dự kiến**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Đặc điểm** | **Ý nghĩa** | | **Địa hình** | - Địa hình châu Á rất đa dạng, các dạng địa hình phân bố xen kẽ làm địa hình bị chia cắt rất phức tạp:  + Phần trung tâm là các dãy núi cao, đồ sộ và hiểm trở nhất TG.  + Phía bắc là các đồng bằng, cao nguyên thấp, bằng phẳng.  + Phía đông thấp dần về phía biển gồm núi, cao nguyên và các đồng bằng ven biển.  + Phía nam và tây nam gồm các dãy núi trẻ, sơn nguyên và đồng bằng xen kẽ. | - Địa hình đa dạng góp phần làm khí hậu có sự phân hóa đa dạng (theo chiều Đ-T, từ ven biển vào lục địa)  - Gây khó khăn cho sản xuất, giao thông,…  - Các cao nguyên và đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư. | | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Thảo luận cặp đôi.  - Hoàn thành các câu hỏi gợi ý  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  - HS trình bày  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | | | | | **b. Khoáng sản**  - Tài nguyên khoáng sản phong phú với nhiều loại có trữ lượng lớn: than, dầu mỏ, đồng, sắt,….  - Tài nguyên khoáng sản là cơ sở quan trọng để phát triển các ngành công nghiệp, thượng mại,… | | |
| **Câu hỏi gợi ý**  - Xác định tên các loại khoáng sản có trên bản đồ tự nhiên châu Á.  - Xác định nơi phân bố của các loại khoáng sản có tần số xuất hiện nhiều nhất.  - Nhận xét về tài nguyên khoáng sản ở châu Á.  - Nêu ý nghĩa của tài nguyên khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế của các nước châu Á.  - Tài nguyên khoáng sản có phải là vô tận không? Cần làm gì để bảo vệ tài nguyên khoáng sản? | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Thảo luận cặp đôi.  - Hoàn thành PHT  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận.  - HS trình bày  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | | **c. Khí hậu**  **Phiếu học tập**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Kiểu khí hậu | Đặc điểm | Phạm vi | | Khí hậu gió mùa |  |  | | Khí hậu lục địa |  |  | | Ý nghĩa với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên: | | | | | | | | |
| **Phiếu phản hồi thông tin**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kiểu khí hậu** | **Đặc điểm** | **Phạm vi** | | **Khí hậu gió mùa** | + Mùa đông có gió thổi từ lục địa ra, thời tiết lạnh, khô, ít mưa.  + Mùa hè có gió thổi từ biển vào, thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều.  + Thường xuyên có hoạt động của bão. | Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á | | **Khí hậu lục địa** | + Mùa đông khô và lạnh;  + Mùa hè khô và nóng;  + Lượng mưa ít | Tây Nam Á và vùng sâu trong nội địa | | **Ý nghĩa với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên:** Khí hậu phân hóa đa dạng tạo nên các sản phẩm nông nghiệp và du lịch đa dạng. Tuy nhiên nhiều thiên tai và chịu ảnh hưởng nặng nề từ sự biến đổi khí hậu. | | | | | | | | | | | | |
| **GV mở rộng thông qua video về tác động của biển đổi khí hậu ở các nước châu Á.**  [**https://www.youtube.com/watch?v=dtUMsYMqqDI**](https://www.youtube.com/watch?v=dtUMsYMqqDI) | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Hoạt động địa lí: Khám phá thế giới các dòng sông.  - Hoàn thành các câu hỏi gợi ý trong trò chơi  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận và tham gia trò chơi.  - HS trình bày  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | **d. Sông và hồ**  **- Sông ngòi phát triển nhưng phân bố không đều, chế độ nước phức tạp**  + Sông ngòi Bắc Á khá phát triển, sông bị đóng băng về mùa đông, có lũ băng về mùa xuân.  + Sông ngòi Đông Á, Nam Á, Đông Nam Á mạng lưới dày, nhiều sông lớn, mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trung với mùa khô.  + Sông ngòi Tây Nam Á và nội địa kém phát triển  - Có nhiều hồ lớn | | | | | | | |
| **Nội dung hoạt động**  - Vòng 1: Quan sát các hình ảnh và tên hệ thống sông, hồ. Lựa chọn và xếp các dòng sông lớn thuộc châu Á vào đúng các khu vực nơi chúng chảy qua.  - Trong thời gian 2p, nhóm nào xếp đúng và nhanh nhất sẽ giành được quyền đi tiếp vòng 2: giới thiệu nhà bạn.  - Vòng 2: Sau khi các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ ở vòng 1, các đội chiến thắng sẽ giới thiệu về đặc điểm các dòng sông ở châu Á. Đội nào giành được nhiều lượt yêu thích cho bài giới tiệu của mình sẽ giành được chiến thắng.  - Bảng kiểm lượt yêu thích:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Yếu tố | Mức độ | | | | Bình thường | Yêu thích | Rất yêu thích | | Nhóm 1 |  |  |  | | Nhóm 2 |  |  |  | | Nhóm 3 |  |  |  | | ...... |  |  |  | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Thảo luận nhóm.  - Hoàn thành PHT  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận và hoàn thành PHT  - HS trình bày  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | | | | **e. Các đới thiên nhiên**  **Phiếu học tập**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các đới thiên nhiên** | **Đặc điểm** | **Nơi phân bố** | | **Đới lạnh** |  |  | | **Đới ôn hòa** |  |  | | **Đới nóng** |  |  | | **Ý nghĩa** |  |  | | | | |
| **Sản phẩm dự kiến**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các đới thiên nhiên** | **Đặc điểm** | **Nơi phân bố** | | **Đới lạnh** | - Có kiểu khí hậu cực và cận cực  - Lạnh giá, khắc nghiệt  - Sinh vật nghèo nàn: rêu, địa y, động vật chịu lạnh hoặc di cư. | - Dải đất hẹp phía bắc | | **Đới ôn hòa** | - Có sự phân hóa bắc – nam, đông – tây:  + Vùng Xi-bia có khí hậu ôn đới lục địa, lạnh khô về mùa đông; rừng lá kim phát triển, sinh vật phong phú  + Vùng phía đông, đông nam Trung Quốc và quần đảo Nhật Bản có khí hậu cận nhiệt gió mùa, mưa nhiều; rừng lá rộng phát triển  + Vùng sâu trong lục địa có khí hậu khô hạn, hình thành thảo nguyên, hoang mạc, bán hoang mạc | - Phân bố rộng từ vòng cực xuống vùng chí tuyến bắc. | | **Đới nóng** | - Chủ yếu là khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo.  - Phát triển rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa với hệ sinh vật phong phú. | Đông Nam Á và Nam Á | | **Ý nghĩa** | - Bảo tồn sự đa dạng sinh học và các nguồn gen quý.  - Tài nguyên quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. | | | | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: 10’**  **1. Mục tiêu**: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập.  **- Phương pháp**: DH theo mẫu, DH hợp tác, DH gqvđ…  **- Kĩ thuật**: động não, tia chớp, XYZ, khăn phủ bàn…  **2.Nội dung:** Phần nhiệm vụ GV giao, hoạt động nhóm để thực hiện.  **3.Sản phẩm:** Câu trả lời và bài làm của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Phát PBT  - Thảo luận theo cặp  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - Thảo luận theo cặp  - Hs trình bày | | | | | | |  | |
| ***Phiếu bài tập***  **Câu 1:** Châu Á có diện tích đứng thứ mấy trong các châu lục trên thế giới?     A. 1      B. 2 C. 3      D. 4  **Câu 2:** Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm vị trí của châu Á     A. Là một bộ phận của lục địa Á- Âu.     B. Kéo dài từ cực Bắc đến vùng Xích đạo.     C. Đại bộ phận diện tích nằm giữa chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.     D. Tiếp giáp với 2 châu lục và 3 đại dương rộng lớn.  **Câu 3:** Chiều rộng từ bờ Tây sang bờ Đông nơi lãnh thổ châu Á mở rộng nhất là bao nhiêu km?     A. 6200 km B. 7200 km       C. 8200 km D. 9200 km  **Câu 4:** Chiều dài từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam của châu Á là bao nhiêu km?     A. 6500 km B. 7500 km C. 8500 km D. 9500 km  **Câu 5:** Ý nào sau đây không phải đặc điểm địa hình của châu Á     A. Châu Á có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ và nhiều đồng bằng bậc nhất thế giới.     B. Địa hình bị chia cắt phức tạp.     C. Các núi và cao nguyên cao đồ sộ tập trung ở trung tâm châu lục.     D. Địa hình khá đơn giản, có thể coi toàn bộ lục địa là khối cao nguyên khổng lồ.  **Câu 6:** Dãy núi nào sau đây là dãy núi cao và đồ sộ nhất châu Á     A. Hi-ma-lay-a    B. Côn Luân C. Thiên Sơn D. Cap-ca  **Câu 7:** Đồng bằng nào sau đây không thuộc châu Á:     A. Đồng bằng Tây Xi-bia.     B. Đồng bằng Ấn – Hằng.     C. Đồng bằng Trung tâm.     D. Đồng bằng Hoa Bắc.  **Câu 8:** Dầu mỏ, khí đốt tập trung nhiều nhất ở khu vực nào     A. Bắc Á B. Nam Á C. Tây Nam Á          D. Đông Nam Á  **Câu 9:** Những khoáng sản quan trọng nhất của châu Á là     A. Dầu mỏ, khí đốt. B. Than, sắt.  C. Crôm và các kim loại màu như đồng, thiếc. D. Nước ngọt. | | | | | | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:5’ (có thể làm ở nhà)**  **1. Mục tiêu**: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề mới GV giao  **- Phương pháp**: DH theo mẫu, DH hợp tác, DH gqvđ…  **- Kĩ thuật**: động não, tia chớp, XYZ, khăn phủ bàn…  **2.Nội dung:** Phần nhiệm vụ GV giao, hoạt động nhóm để thực hiện.  **3.Sản phẩm:** Câu trả lời và bài làm của HS  **4. Tổ chức thực hiện:** | | | | | | | | | |
| ***a. Giao nhiệm vụ***  - Kể tên và sưu tầm hình ảnh về 3 đồng bằng lớn gắn với các nền văn minh lớn ở châu Á.  c***. Báo cáo kết quả***  ***d. Nhận xét và đánh giá*** | | | | | b. Thực hiện nhiệm vụ  - HS trả lời miệng  - Hs sưu tầm hình ảnh về các nền văn minh (làm ở nhà) | | | **3 nển văn minh lớn: Trung Quốc, Ấn - Hằng, Lưỡng Hà.** | |
| **Giao bài tập về nhà và hướng dẫn chuẩn bị bài**  - Hoàn thành các bài tập còn lại.  - Chuẩn bị bài 6: Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á | | | | | | | | | |